TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 311/2025/QĐST- HNGĐ	*Đà Nẵng, ngày 19 tháng 11 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ: Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Toà án năm 2025

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thườn vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân gia đình thụ lý số: 303/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2025 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con chung*" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân gia đình:*

- Người yêu cầu: Ông **Dương Văn A**, sinh năm 1995; CCCD số: 040095024867 ngày cấp: 11/3/2023. HKTT: Đường N, phường S, TP Đà Nẵng. Chỗ ở: đường N, phường S, TP Đà Nẵng.

- Người yêu cầu: Bà **Lê Thị Kim H**, sinh năm 1995; CCCD số: 040195008432, ngày cấp: 18/02/2023. HKTT: Thôn T, xã K, tỉnh Nghệ An. Chỗ ở: đường N, phường S, TP Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về thủ tục:** Đơn yêu cầu của ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H nộp tại Tòa án là đúng thủ tục và thẩm quyền được quy định tại Khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về nội dung:** Ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H kết hôn với nhau vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường S, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 293 cấp ngày 25/12/2019. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại phiên hòa giải ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H xác định: Trong quá trình chung sống với nhau, giữa ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do sau khi chung sống, vợ chồng dần bộc lộ nhiều điểm khác biệt trong lối sống, suy nghĩ và cách ứng xử dẫn đến thường xuyên cãi vã, không thể chia sẻ, thấu hiểu nhau. Mâu thuẫn kéo dài từ năm 2024 đến nay, mặc dù vợ chồng đã tìm biện pháp khắc phục, nhưng không có kết quả. Nay ông bà xác định về tình cảm không còn thương yêu nhau nữa, vì vậy ông bà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn cho ông bà.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thật sự có được dựa trên sự yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, thế nhưng giữa ông A và bà H lại không làm được điều này. Tại phiên hòa giải thì ông A và bà H đều xác định không còn tình cảm với nhau. Xét thấy, hiện mâu thuẫn của ông A và bà H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông A và bà H là phù hợp quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Ông A và bà H xác nhận có 01 con chung là Dương Minh Q, sinh ngày: 16/12/2023. Ly hôn ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương Văn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/12/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H xác định không có, nên không đề cập giải quyết.

[7] Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004565 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 11 tháng 11 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó theo quy định tại Điều 212, 213, 397 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân**: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa Ông **Dương Văn A** và bà **Lê Thị Kim H.** *(Do công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H nên theo Giấy chứng nhận kết hôn số: 293 cấp ngày 25/12/2019 tại UBND phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng (nay là UBND phường S, thành phố Đà Nẵng) không còn giá trị hợp pháp).*

- **Về con chung**: Ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H xác nhận có 01 con chung là Dương Minh Q, sinh ngày: 16/12/2023. Ly hôn ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H thỏa thuận giao con chung cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Dương Văn A cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15/12/2025 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về lệ phí HNGĐ-ST: 300.000 đồng ông Dương Văn A và bà Lê Thị Kim H thỏa thuận mỗi người chịu một nửa là 150.000 đồng. Được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004565 ngày 27/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND khu vực 2 – Đà Nẵng.
- UBND phường S,
thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Trâm